

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-PT
Ngày: 06- 9- 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên
Ông Nông Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLPT - DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bế Văn A - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố H thị trấn I huyện K tỉnh Cao Bằng;

- *Đồng bị đơn:*

+ Ông Mông Văn B - sinh năm 1959 (đã chết ngày 15/12/2020)

+ Bà Nông Thị C - sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xóm Nà Quang xã L huyện K tỉnh Cao Bằng.

+ Anh Vũ Mạnh C - sinh năm 1989

Tạm trú: Tổ dân phố 4 thị trấn M huyện K tỉnh Cao Bằng.

HKTT: Tổ dân phố Chùa 1, xã N, huyện O - tỉnh Bắc Giang.

* *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Mông Văn B:*

- Vợ: Nông Thị C;

- Con gái: Mông Thị D;
- Con gái Mông Thị Đ;
- Con gái Mông Thị E;
- Con trai Mông Văn G.

Điều ủy quyền cho bà Nông Thị C tham gia tố tụng theo văn bản họp gia đình ủy quyền ngày 02/5/2021.

Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bé Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Bé Văn A trình bày: Do cần tiền làm ăn, nên ngày 12/01/2020 anh Vũ Mạnh C đã nhờ ông Mông Văn B và bà Nông Thị C đặt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X695263 mang tên ông Mông Văn B để ký giấy vay nợ với tôi 200 triệu đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Sau khi ký xong, anh Vũ Mạnh C là người trực tiếp nhận 200 triệu đồng tại nhà của tôi. Theo giấy vay nợ thì bên nợ cam kết đến ngày 12/02/2020 là phải trả nợ, nhưng đến nay ông B, bà C và anh C không trả nợ đúng hạn như đã cam kết. Do đó tôi yêu cầu ông Mông Văn B, bà Nông Thị C và anh Vũ Mạnh C phải trả cho tôi một lần đủ số tiền 200 triệu đồng theo giấy vay nợ đã ký kết ngày 12/01/2020. Nếu không trả đủ tiền mặt 200 triệu đồng một lần, thì tôi yêu cầu lấy mảnh đất trong bìa đỏ mang tên ông Mông Văn B để gặt nợ hoặc anh C phải cắt đất (mảnh đất có xương gỗ ở tổ dân phố 4 thị trấn M) tương ứng với giá trị số tiền 200 triệu đã vay của tôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nông Thị C trình bày: Ngày 12/01/2020 tôi công nhận được cùng chồng tôi là Mông Văn B có đặt bìa đỏ đất của vợ chồng để ký giấy vay nợ của anh Bé Văn A số tiền 200 triệu đồng. Vợ chồng tôi được ký giấy vay nợ, còn cháu rể là Vũ Mạnh C là người trực tiếp nhận 200 triệu với anh Hòa, mục đích để cháu rể có vốn làm ăn, vợ chồng tôi không được hưởng lợi gì đối với khoản vay 200 triệu này. Do làm ăn gặp nhiều khó khăn cho nên cháu C chưa có tiền trả cháu Hòa đúng thời hạn như cam kết. Nay ông B đã chết ngày 15/12/2020, cho nên tôi hoàn toàn tự nguyện kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B. Tôi mong cháu Vũ Mạnh C trả nợ số tiền 200 triệu cho cháu Bé Văn A theo như giấy vay tiền đã ký kết ngày 12/01/2020 để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X695263 về trả cho tôi. Còn anh Hòa lấy đất để gặt nợ thì tôi không đồng ý.

Bị đơn Vũ Mạnh C trình bày: Tôi công nhận là có nhờ ông B, bà C đứng ra cầm cố bìa đỏ để vay của anh Bé Văn A 200 triệu đồng theo giấy vay đã ký

kết ngày 12/01/2020. Tôi là người trực tiếp nhận 200 triệu đồng từ anh A, và là người sử dụng số tiền trên. Mục đích vay là để tôi có vốn làm ăn, ông B, bà C không được hưởng lợi gì đối với khoản vay 200 triệu này. Vợ tôi (Mông Thị Nhâm) cũng không biết. Tôi sẽ có trách nhiệm trả cho anh A 200 triệu, nhưng đang trong thời gian bệnh dịch và làm ăn khó khăn, trước mắt chưa có tiền, cho nên chưa thể trả ngay được, tôi sẽ có trách nhiệm trả dần cho anh A để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả cho ông B, bà C.

Đối với ông Mông Văn B: Ngày 25/11/2020 ông B đã có bản tự khai công nhận được cùng bà Nông Thị C có đặt bìa đồ đất của vợ chồng để ký giấy vay nợ của anh Bé Văn A số tiền 200 triệu đồng, còn cháu rể là Vũ Mạnh C là người trực tiếp nhận 200 triệu với anh A, mục đích để cháu rể có vốn làm ăn, vợ chồng tôi không được hưởng lợi gì đối với khoản vay 200 triệu này.

Ngày 15/12/2020 ông B chết do tuổi cao, sức yếu cho nên không tham gia tố tụng được, nhưng gia đình và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Mông Văn B đã họp thống nhất cử bà Nông Thị C là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Mông Văn B để tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nguyên đơn Bé Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Vũ Mạnh C công nhận khoản vay và nhất trí sẽ trả nợ cho anh Bé Văn A 200 triệu đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả cho bà Nông Thị C.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã áp dụng: *Các Điều 116, 123, 131, 309, 317, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, 188 của Luật đất đai năm 2013; Điều 147; 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bé Văn A đối với bị đơn Vũ Mạnh C.

[2] Tuyên bố hợp đồng giao dịch (đặt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 695263 để vay 200 triệu đồng) giữa anh Bé Văn A với ông Mông Văn B, bà Nông Thị C và Vũ Mạnh C là vô hiệu.

Buộc bị đơn Vũ Mạnh C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Bé Văn A số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Buộc anh Bé Văn A phải có trách nhiệm trả cho bà Nông Thị C (địa chỉ: xóm Nà Quang xã L huyện K tỉnh Cao Bằng) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 695263 do Ủy ban nhân dân huyện Phục Hòa (nay là Quảng Hòa) cấp ngày 15/9/2004 cho ông Mông Văn B.

Ngoài ra, án sơ thẩm cũng tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/6/2021 nguyên đơn Bé Văn A có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Bé Văn A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Ông B, bà C là người vay tiền và lấy giấy CNQSDĐ của mình đi đặt để vay tiền của tôi, do vậy ông B bà C phải là người trả tiền cho tôi. Hành vi của Vũ Mạnh C là lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tôi đề nghị Tòa án hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, nếu không được chấp nhận yêu cầu này thì đề nghị Tòa xử buộc bà C và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B trả cho tôi 200.000.000đ tiền vay cùng lãi suất theo quy định của nhà nước kể từ ngày vay đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Nông Thị C, anh Vũ Mạnh C giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm và anh C cam kết sẽ trả nợ cho anh A theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung và quan điểm giải quyết: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn

Nội dung kháng cáo: Ông Bế Văn A cho rằng ông Mông Văn B Lường, bà Nông Thị C là người vay tiền và lấy giấy CNQSDĐ của mình đi đặt để vay tiền, do vậy ông B bà C phải là người trả tiền cho ông A. Đề nghị Tòa án hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, nếu không được chấp nhận yêu cầu này thì đề nghị Tòa xử buộc bà C và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B phải trả 200.000.000đ tiền vay cùng lãi suất theo quy định của nhà nước kể từ ngày vay đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về chủ thể thực hiện việc nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mông Văn B và bà Nông Thị C với ông A, ông A chỉ có giấy phép đăng ký kinh doanh việc cầm đồ. Do vậy việc anh A nhận thế chấp GCNQSDĐ đất đứng tên ông B bà C để cho vay tiền là không phù hợp với quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự 2015, vì GCNQSDĐ không phải là tài sản, ông A không có quyền nhận thế chấp để đảm bảo khoản vay của bên vay. Bởi lẽ cá nhân, tổ chức nhận thế chấp phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và có giấy phép kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực tín dụng, kinh tế. Do đó phần giao dịch nhận thế chấp quyền sử dụng đất là vô hiệu nên cấp sơ thẩm buộc anh A phải trả lại GCNQSDĐ cho ông B bà C là đúng quy định của pháp luật. Ông B đã chết vào ngày 15/12/2020, bà C là người được những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B ủy quyền, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh A phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về việc xác định người có trách nhiệm thanh toán khoản vay cho anh A: Tại giấy vay tiền lập ngày 12/01/2020 đều có chữ ký của ông A, ông B, bà C,

anh Vũ Mạnh C. Lời khai của các đương sự tại Tòa đều khẳng định cho rằng anh C là người nhận trực tiếp số tiền 200.000.000đ và là người sử dụng số tiền vay. Như vậy có căn cứ khẳng định anh C là người được nhận tiền, quản lý và sử dụng số tiền vay trên, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh mà mọi người đều thừa nhận được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay anh C cũng khẳng định anh là người vay và sử dụng số tiền vay với anh A là 200 triệu nên anh sẽ có trách nhiệm trả. Xét thấy việc ông B bà C mặc dù là người ký tên trong giấy vay tiền nhưng không được nhận tiền với anh A, không được sử dụng số tiền trên, do đó bà C và ông B không có trách nhiệm phải trả số tiền vay 200 triệu đồng với anh A. Tại phiên tòa sơ thẩm anh A chỉ yêu cầu được trả khoản vay 200.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Do đó Tòa án sơ thẩm buộc anh C phải có trách nhiệm đổi trả khoản vay 200.000.000đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh Bé Văn A cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh A. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Bé Văn A không được chấp nhận nên anh A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 148 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 116, 123, 131, 317, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Bé Văn A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Nay xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bế Văn A đối với bị đơn Vũ Mạnh C.

[2] Tuyên bố hợp đồng giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 695263 số X 695263 cấp ngày 15/9/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Phục Hòa (nay là Quảng Hòa) cho ông Mông Văn B để vay 200 triệu đồng giữa anh Bế Văn A với ông Mông Văn B, bà Nông Thị C và Vũ Mạnh C là vô hiệu.

Buộc anh Bế Văn A phải có trách nhiệm trả cho bà Nông Thị C (địa chỉ: xóm Nà Quang, xã L, K, tỉnh Cao Bằng) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 695263 do Ủy ban nhân dân huyện Phục Hòa (nay là Quảng Hòa) cấp ngày 15/9/2004 cho ông Mông Văn B.

Buộc bị đơn Vũ Mạnh C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Bế Văn A (Địa chỉ: Tổ dân phố H thị trấn I K tỉnh Cao Bằng) số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

[3] **Về án phí:** Bị đơn Vũ Mạnh C phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn Bế Văn A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000985 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa. Anh A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận anh A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2018/0001907 ngày 04/6/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện Quảng Hòa;
- TAND huyện Quảng Hòa;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như